|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH KON TUM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 112 /BC-UBND | *Kon Tum, ngày 27 tháng 4 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

|  |
| --- |
| **Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh**  **về các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình**  **Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI** |

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI. |

Tại kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, Ủy ban nhân dân tỉnh có 53 nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến; trong đó có 02 Báo cáo và 51 Tờ trình (*gồm 43 Tờ trình về phê duyệt mới, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công và 08 Tờ trình liên quan đến các lĩnh vực khác*).

Căn cứ các ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp, đa số đều thống nhất với các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp, đồng thời tham gia bổ sung các căn cứ pháp lý, hoàn chỉnh thể thức và kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và chỉ đạo cơ quan chủ trì xây dựng rà soát, bổ sung các căn cứ pháp lý, hoàn chỉnh thể thức và kỹ thuật trình bày của dự thảo Nghị quyết *(có phụ lục kèm theo)*; riêng đối với các nội dung tiếp thu nhưng có sự thay đổi lớn so với nội dung đã trình, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo rõ như sau:

**1. Dự thảo Nghị quyết về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công.**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:** Đối với các dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt mới chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bổ sung vào Điều 1 cơ quan quản lý dự án.

- Bổ sung khoản 2 Điều 2 là: “Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án .... trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan.”

- Biên tập lại khoản "2" Điều 2 thành khoản "3".

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh lại các dự thảo Nghị quyết.

**2. Dự thảo Nghị quyết về bổ sung dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối *(2016-2020)* cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018([[1]](#footnote-1)).**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến([[2]](#footnote-2)):**

- Thực hiện Quy chế 01-QC/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Về tên gọi Nghị quyết: Đề nghị biên tập lại là “Về bổ sung dự án trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh”

- Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị bỏ khoản 1 và khoản 2 và biên tập lại như sau: “Điều 1. Thông qua Danh mục dự án bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối *(2016-2020)* cấp tỉnh (*Có phụ lục kèm theo*)”.

- Đề nghị điều chỉnh lại tên của Phụ lục kèm theo cho phù hợp với Nghị quyết, cụ thể: “Danh mục dự án bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối *(2016-2020)* tỉnh Kon Tum *(Ban hành kèm theo Nghị quyết…)*”

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

- Thực hiện Quy chế 01-QC/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 198-TTr/BCSĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Tờ trình dự thảo Nghị quyết về bổ sung dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối *(2016-2020)* cấp tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục bổ sung hồ sơ trình Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI.

- Các nội dung khác, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**3. Dự thảo Nghị quyết về Danh mục các dự án cần thu hồi đất và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2021 *(bổ sung)*([[3]](#footnote-3))**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến([[4]](#footnote-4)):**

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình và điều chỉnh một số nội dung sau:

+ Báo cáo làm rõ những dự án trong danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất để đưa vào danh mục các dự án cần thu hồi đất cho phù hợp với quy định hiện hành. Đối với những dự án quy định tại khoản 1, 2 Điều 62 Luật Đất đai không thuộc trường hợp trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Đối với các dự án đề nghị trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất để lựa chọn nhà đầu tư:

Qua xem xét, nhận thấy hiện nay Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương chưa có quy định nào giao Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất ngoài các dự án quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Tại Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư, về Hồ sơ, thủ tục lập, thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư có đề cập đến Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Tuy nhiên tại Điều 33 Luật đầu tư cũng về nội dung này không giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh, để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản tham vấn các bộ ngành Trung ương về nội dung trên trước khi trình Hội đồng nhân dân thông qua.

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Danh mục dự án thu hồi đất đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bám sát quy định Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT *(khoản 4, Điều 67)*. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn (*khoản 2 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật)*.

- Đối với các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác: Đề nghị cơ quan trình rà soát, đưa vào danh mục những dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định và không đưa vào những dự án thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Căn cứ theo quy chế 01-QC/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để đảm bảo quy định.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:**

- Về việc trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế 01-QC/TU ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Tờ trình số 216-TTr/BCSĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục bổ sung vào hồ sơ trình Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI.

- Về Danh mục dự án cần thu hồi đất: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách; Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát hồ sơ, chỉ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục thu hồi đất đối với các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất, trong đó, không trình Danh mục thu hồi đất đối với dự án Nhà máy thủy điện Ia Ly mở rộng do Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2018.

- Đối với các dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục thu hồi đất để lựa chọn nhà đầu tư: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách; trước mắt, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất để thu hút đầu tư. Sau khi tham vấn ý kiến của các bộ, ngành Trung ương để được hướng dẫn cụ thể về nội dung trên, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

- Đối với các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách; Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát hồ sơ, chỉ trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đối với các dự án không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, trong đó, không trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ đối với dự án Nhà máy thủy điện Ia Ly mở rộng do Dự án này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2018.

- Trên cơ sở ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, Danh mục các dự án kèm theo dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

**4. Dự thảo Nghị quyết về việc thông qua quy định về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum([[5]](#footnote-5)).**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến([[6]](#footnote-6)):**

- Về tên gọi của Nghị quyết, biên tập lại là: "Về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum"

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Đề nghị cơ quan trình bám sát các quy định của Luật Giáo dục (về cấp học, phương thức tuyển sinh...) biên tập lại theo hướng ngắn gọn, bao quát hết phạm vi, đối tượng có liên quan đến việc thực hiện cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh theo quy định.

- Về nội dung: “Không áp dụng quy định này với việc tuyển sinh vào các trường chuyên biệt”. Đề nghị cơ quan trình rà soát, quy định cụ thể đối với từng loại trường vì hiện nay một số trường chuyên biệt trên địa bàn tỉnh đang thực hiện các khoản thu dịch vụ tuyển sinh rất hiệu quả.

- Về đối tượng miễn thu: Đề nghị rà soát lại các đối tượng đảm bảo phù hợp với chính sách của Đảng, quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương.

- Về mức thu, lộ trình, cơ chế cấp bù, sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh: Đề nghị rà soát, biên tập lại nội dung phù hợp với quy định hiện hành.

- Đề nghị bổ sung thêm nội dung về điều chỉnh phương thức tuyển sinh, mức thu, lộ trình cho phù với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương ở từng thời kỳ. Trường hợp Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương ban hành các quy định mới có liên quan thì thực hiện theo quy định.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dấn tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết như sau:

- Về tên gọi Nghị quyết: “Về cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.

- Biên tập lại nội dung “Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng”([[7]](#footnote-7)).

- Điều chỉnh nội dung: *“Không áp dụng quy định này với việc tuyển sinh vào các trường chuyên biệt”* thành *“Không áp dụng quy định này đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú”.*

- Điều chỉnh đối tượng miễn thu: *Thí sinh là con thương binh, liệt sỹ; thí sinh khuyết tật; thí sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ; thí sinh dân tộc rất ít người; thí sinh dân tộc thiểu số thường trú ở địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn; thí sinh có cha, mẹ, người giám hộ thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; các đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.*

- Biên tập lại nội dung về mức thu, lộ trình, cơ chế cấp bù, sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh([[8]](#footnote-8)).

- Bổ sung nội dung về điều chỉnh phương thức tuyển sinh, mức thu, lộ trình: *“Trong quá trình triển khai thực hiện tùy vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương ở từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phương thức tuyển sinh, mức thu, lộ trình cho phù hợp. Trường hợp Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương ban hành các quy định mới có liên quan thì thực hiện theo quy định”.*

**5. Dự thảo Nghị quyết về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025([[9]](#footnote-9))**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến:**

**\* Lần 1([[10]](#footnote-10)):**

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định chủ trương Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum với những nội dung qui định tai Điều 5 Nghị định 39/2018/NĐ-CP, trước khi ra quyết định phê duyệt triển khai Đề án.

- Đối với ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương theo quy định tại Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực của địa phương, xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách của địa phương hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa vào thời điểm thích hợp.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 tại Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 *(Nghị quyết thường)*, trong đó:

- Các nội chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong dự thảo Nghị quyết sẽ được quy định theo hướng thực hiện theo Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ *(không quy định lại các chính sách của Trung ương).* Ngoài ra, Nghị quyết cụ thể hóa giá trị tối đa đối với các nội dung hỗ trợ 100% các hợp đồng tư vấn quy định tại Điều 21, Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

- Nội dung dự thảo Nghị quyết thông qua những nội dung cơ bản của Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025, gồm có 02 Điều:

***“Điều 1.*** *Thông qua Nghị quyết về Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, với những nội dung chủ yếu sau:*

***Điều 2.*** *Tổ chức thực hiện”.*

**\* Lần 2([[11]](#footnote-11)):**

- Về dự thảo Nghị quyết:

+ Bỏ cụm từ “”Nghị quyết” và biên tập lại Điều 1 như sau: *“Điều 1. Thông qua Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025, với những nội dung chủ yếu sau (Có Đề án kèm theo):”*

+ Bỏ cụm từ “chính sách” và biên tập lại khoản 3 Điều 1 *“3. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”*, đồng thời rà soát thay thế cụm từ “chính sách hỗ trợ” bằng “nội dung hỗ trợ” trong dự thảo Nghị quyết và Đề án kèm theo cho phù hợp với Điều 5 Nghị định 39/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh và đã hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết.

Riêng đối với cụm từ “chính sách” tại điểm b, khoản 3, Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể *“Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện* ***chính sách,*** *chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ nhưng không quá 15 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm”*; Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất giữ lại cụm từ “chính sách” vì nội dung này được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 21 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ, cụ thể *“Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện* ***chính sách****, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ”*.

**6. Dự thảo Nghị quyết “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum”([[12]](#footnote-12))**

**\* Ban Kinh tế - Ngân sách có ý kiến([[13]](#footnote-13)):**

- Đề nghị cơ quan trình làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc còn một số đối tượng tham gia công tác bầu cử nhưng chưa được hưởng chế độ trong Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chấn chỉnh rút kinh nghiệm.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**\* Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, làm rõ nguyên nhân dẫn đến việc còn một số đối tượng tham gia công tác bầu cử nhưng chưa được hưởng chế độ trong Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND, cụ thể:

**- Đối với cấp xã:** Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện nay chỉ có từ 10-14 người; Thành viên Ủy ban bầu cử cấp xã thành lập 11 thành viên; Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021thực hiện nhiệm kỳ 2021-2026 đã mở rộng chế độ hỗ trợ bồi dưỡng khoán tháng cho Ủy ban bầu cử cấp xã *(theo Quyết định số 114/QĐ-CT ngày 07 tháng 3 năm 2016 thực hiện nhiệm kỳ 2016-2021 chưa ban hành nội dung này).* Số cán bộ còn lại của cấp xã *(bao gồm cả cán bộ không chuyên trách)* được hưởng chi trả chế độ trưng tập, huy động tính theo ngày là 70.000 đồng/người/ngày *(quy định tại khoản b mục 5 Điều 2 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND)*. Đối với thành viên Tổ bầu cử *(khoản 9.048 người)* được chi trả chế độ chi bồi dưỡng 120.000 đồng/người/ngày *(2 ngày trước và trong ngày tổ chức bầu cử)* quy định tại khoản c mục 5 Điều 2 Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND.

**- Riêng đối với 02 nội dung, mức chi áp dụng cho Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam cấp xã.**

+ Chi công tác chỉ đạo kiểm tra, giám sát công tác bầu cử: Kế thừa Quyết định số 114/QĐ-CT ngày 07 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành *Quy định mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người phục vụ bầu cử đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021,* cũng chưa quy địnhnội dung, mức chi này. Theo đề xuất của các đơn vị, địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp đề xuất ban hành lần này.

+ Chi bồi dưỡng cuộc họp của Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã: Quyết định số 114/QĐ-CT ngày 07 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành *Quy định mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người phục vụ bầu cử đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021,* có ban hành mức chi này. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chấn chỉnh cơ quan chủ trì tham mưu Nghị quyết rút kinh nghiệm trong quá trình ban hành chế độ chính sách áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 12 xem xét./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Các Ban - HĐND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;  - Văn phòng UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KTTH-TTT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Tại Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Tại Báo cáo số 75/BC-KTNS ngày 25 tháng 4 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Tại Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Tại Báo cáo số 77/BC-BKTNSngày 25 tháng 4 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-4)
5. () Tại Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Tại Báo cáo số 43/BC-BKTNS ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách. [↑](#footnote-ref-6)
7. () 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

   a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

   b) Đối tượng áp dụng:

   - Trường trung học cơ sở, Trường trung học phổ thông, Trường phổ thông có nhiều cấp học công lập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông công lập).

   - Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

   - Không áp dụng quy định này đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú. [↑](#footnote-ref-7)
8. ()

   - Cơ sở giáo dục phổ thông công lập thu dịch vụ tuyển sinh mà người dự tuyển phải nộp khi tham gia xét tuyển, thi tuyển.

   - Mức thu:

   + Tuyển sinh cấp trung học phổ thông: 180.000 đồng/thí sinh.

   + Tuyển sinh cấp trung học cơ sở: 175.000 đồng/thí sinh.

   + Phúc khảo: 50.000 đồng/môn/thí sinh.

   - Lộ trình thu:

   + Năm học 2021-2022: Thu 50%, Ngân sách nhà nước cân đối hỗ trợ 50%.

   + Năm học 2022-2023: Thu 60%, Ngân sách nhà nước cân đối hỗ trợ 40%.

   + Năm học 2023-2024: Thu 70%, Ngân sách nhà nước cân đối hỗ trợ 30%.

   + Năm học 2024-2025: Thu 80%, Ngân sách nhà nước cân đối hỗ trợ 20%.

   + Từ năm học 2025-2026 trở đi: Thu 100%.

   - Cơ chế ngân sách cân đối hỗ trợ theo lộ trình và cấp bù đối với đối tượng miễn thu: Ngân sách nhà nước cân đối hỗ trợ theo lộ trình và cấp bù đối với các đối tượng miễn thu theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

   - Sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh: Toàn bộ số thu từ dịch vụ tuyển sinh được để lại chi cho công tác tuyển sinh. Trường hợp kết thúc năm mà không sử dụng hết nguồn thu thì chuyển vào năm sau để chi cho công tác tuyển sinh và thực hiện theo các quy định hiện hành. [↑](#footnote-ref-8)
9. () Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 15/4/2021 và Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 26/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-9)
10. () Tại Báo cáo số 79/BC-BKTNS ngày 25/4/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Tại Báo cáo số 85/BC-BKTNS ngày 27/4/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 21/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Tại Báo cáo thẩm tra số 48/BC-BKTNS ngày 25/4/2021. [↑](#footnote-ref-13)